

## Phụ lục

**Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường**  
**Chương: 426**

### DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-STNMT ngày

/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

ĐVT: Đồng

| Số TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Trong đó     |                           |                         |                                |                                              |                              |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                           |                   |                    | Văn phòng Sở | Chi cục Bảo vệ môi trường | Chi cục Quản lý đất đai | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường | Trung tâm Phát triển quỹ đất |
|       | Dự toán chi ngân sách nhà nước (số kinh phí đơn vị còn được sử dụng)                                                                                                                                                      | 3.175.000         | 3.175.000          | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 3.175.000                    |
| A     | <i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>                                                                                                                                                                                              | 3.175.000         | 3.175.000          | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 3.175.000                    |
| I     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                                                                          | 0                 | 0                  | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 0                            |
| II    | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                                                                    | 3.175.000         | 3.175.000          | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 3.175.000                    |
| 1     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                                                                            | 3.175.000         | 3.175.000          | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 3.175.000                    |
|       | + Kinh phí thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành<br>Đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất phía Tây Trường Cao Đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn | 3.175.000         | 3.175.000          | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 3.175.000                    |
| 2     | Kinh phí không thường xuyên                                                                                                                                                                                               | 0                 | 0                  | 0            | 0                         | 0                       | 0                              | 0                                            | 0                            |